

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN NĂM 2021
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2020 của UBND huyện)

PHỤ LỤC 3 Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Lý do, quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư/	Lũy kế bổ trí vốn đến	Ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025					
						Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
	TỔNG			3.932.113	7.801	2.955.021	1.349.526	841.490	742.894		
Phần I	VỐN ĐIỀU TIẾT ĐỀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ					148.700	148.700				
Phần II	VỐN ĐỀ LẠI NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỂ ĐẦU TƯ			3.932.113	7.801	2.806.321	1.200.826	841.490	742.894	15.202	
A	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG			28.500	0	28.500	12.000	12.500	4.000	0	0
1	Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin - Viễn thông giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 ; trên địa bàn huyện Việt Yên	Phòng VH TT		12.500	0	12.500	6.000	6.500	0	0	0
2	Lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Việt Yên	Phòng KTHT		16.000	0	16.000	6.000	6.000	4.000	0	0
B	DỰ ÁN CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG			3.903.613	7.801	2.777.821	1.188.826	828.990	738.894	15.202	
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			123.317	7.801	115.516	54.931	18.795	20.679	15.202	
II	VỐN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ			3.780.296		2.662.305	1.133.896	810.194	718.215		
II.1	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP			1.649.996	989.019	773.971	573.971	200.000			
1	Dự án từ 2019 trở về trước			88.614		146.109	146.109	-	-	-	
2	Dự án năm 2020			1.561.382	989.019	627.862	427.862	200.000	-	-	
II.2	DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025			2.130.300	7.689	2.075.748	559.925	610.194	718.215	187.414	
a	Dự án giao thông			800.000	1.900	786.113	119.717	204.316	274.666	187.414	
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường Vành đai IV (huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) với Khu đô thị mới Tây Bắc Thành phố Bắc Ninh (tỉnh Bắc Ninh)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư tư giai đoạn I với quy mô: chiều dài khoảng 2,5km; B nền 19,5m, trong đó: Giải phân cách 4m, B mặt 10,5; vỉa hè 5m; kết cấu bê tông nhựa. Mục đích kết nối hệ thống giao thông với Thành phố Bắc Ninh tạo động lực phát triển kinh tế	120.000	500	117.767	20.000	30.000	30.000	37.767	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục nối QL37 với đường vành đai IV, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư tuyến đường theo quy hoạch, dài 5km; Bnền 35m, vỉa hè 5mx2; B mặt 2x7,5; dải phân cách 10m; kết cấu bê tông nhựa. Mục đích kết nối hệ thống giao thông với Thành phố Bắc Ninh tạo động lực phát triển kinh tế.	170.000	500	167.141	40.000	50.000	40.000	37.141	
	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối 298B (thôn Khả Lý Thượng) với đường vành đai IV, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư tuyến đường theo quy hoạch, dài 2km; Bnền=35,0m, Bmặt=2x7,5=15,0m, Bhè=2x5,0=10,0m, Bdpc=10,0m; kết cấu bê tông nhựa.	140.000	-	137.978	30.000	50.000	57.978	-	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Lý do, quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư/	Lũy kế bố trí vốn đến	Ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025					
						Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
3	Tuyến đường từ Hồ Công dự kéo dài đi đường Tự - Dương Huy	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư tuyến đường theo quy hoạch, dài 2,8km; Bn 19,5m, trong đó: giải phân cách 4m, lòng đường 10,5m; vỉa hè 5m. Kết cấu bê tông nhựa. Mục đích kết nối hệ thống giao thông đô thị, hạ tầng khung cho khu vực trung tâm văn hóa huyện và khai thác quỹ đất tạo nguồn thu giai đoạn 2021-2025	60.000	300	58.495	20.000	14.500	23.995	-	
4	Đường kết nối đường vành đai Bích Động với đường vành đai Đông Bắc Thành phố Bắc Giang	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư tuyến đường theo quy hoạch, dài 2,8km; Bn 19,5m, trong đó: giải phân cách 4m, lòng đường 10,5m; vỉa hè 5m. Kết cấu bê tông nhựa. Mục đích kết nối hệ thống giao thông đô thị, hạ tầng khung cho khu vực trung tâm văn hóa huyện và khai thác quỹ đất tạo nguồn thu giai đoạn 2021-2025	290.000	300	285.699	500	50.000	122.693	112.506	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Ninh, thị trấn Nénh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Thảm bê tông nhựa mặt đường hiện trạng	5.000	100	4.685	2.217	2.468	-	-	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu dân cư dịch vụ thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Thảm bê tông nhựa mặt đường hiện trạng, hệ thống cây xanh, thoát nước	15.000	200	14.348	7.000	7.348	-	-	
b	Trụ sở cơ quan			95.000	200	90.981	20.000	30.000	40.981	-	
1	Trụ sở khối cơ quan Đảng, Đoàn thể huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Dự án chuyển tiếp	95.000	200	90.981	20.000	30.000	40.981	-	
c	Dự án y tế			11.000	100	10.532	5.000	5.532	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế huyện Việt Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Tiêu chí đô thị loại IV	11.000	100	10.532	5.000	5.532	-	-	
d	Công trình văn hóa, công viên, cây xanh (tiêu chí mục tiêu đô thị)			99.000	500	96.506	42.500	36.023	17.983	-	
1	Quản thể văn hóa, thể thao huyện Việt Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư toàn nhà 2 tầng, diện tích khoảng nâng điểm cho các tiêu chí thuộc mục: nhóm Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị, chất thải (hiện tại tiêu chí này đang được 0 điểm, sau đầu tư sẽ tăng được 0,25 điểm.	80.000	200	77.983	30.000	30.000	17.983	-	
3	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị (dự án chia theo năm)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Phục vụ mục tiêu trở thành đô thị loại 4; nâng điểm cho các tiêu chí thuộc mục: nhóm Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị (hiện tại tiêu chí này đang được 0 điểm, sau khi đầu tư sẽ nâng thêm 1,5 điểm)	15.000	200	14.800	10.000	4.800			
4	Nhà văn hóa thôn Thổ Hà, xã Vân Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Dự án chuyển tiếp	4000	100	3.723	2.500	1.223			
e	Hạ tầng kỹ thuật			2.000	-	2.000	2.000	-	-	-	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Lý do, quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư/	Lũy kế bổ trí vốn đến	Ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025					
						Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
1	Xây dựng hệ thống Nhà máy xử lý nước thải đô thị huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	- Lập quy hoạch, lập dự án thu hút đầu tư - Phục vụ mục tiêu trở thành thị xã; nâng điểm cho các tiêu chí thuộc mục: nhóm tác tiêu chí thu gom xử lý nước thải, chất thải (tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý: 0,75 điểm) và tiêu chí "Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng" (Mật độ đường cống thoát nước chính: 1,5 điểm) : Sau đầu tư sẽ nâng thêm được: 2,25 điểm - Công suất xử lý 800m3/ngđ; đồng bộ hệ thống trạm xử lý; hệ thống công dẫn	2.000	-	2.000	2.000	-	-	-	-
f	Hạ tầng Nông nghiệp			3000	140,2245	2719,551	1500	1219,551	0	0	
1	Cải tạo hệ thống mương tiêu thôn Khả Lý Hạ, xã Quảng Minh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện		3.000	140	2.720	1.500	1.220	-	-	
g	Cơ sở vật chất giáo dục			82.300	1.100	77.801	33.500	44.301	-	-	
1	Trường mầm non Vân Hà; hạng mục: Nhà bảo vệ, Sân và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung các hạng mục còn thiếu tại vị trí xây dựng mới	5.000	100	4.696	2.500	2.196	-	-	
2	Cải tạo nâng cấp Trường tiểu học Việt Tiến, xã Việt Tiến	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xây dựng đã cũ, xuống cấp nghiêm trọng; hiện thiếu phòng học; đầu tư mới 12 phòng, 8 phòng chức năng và hạng mục phụ trợ.	13.000	150	12.327	4.500	7.827	-	-	
3	Đầu tư xây dựng Trường mầm non thị trấn Nénh (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Xây dựng 2 phòng học và các phòng hiệu bộ, sân công tường rào, cải tạo khu lẻ tại Sen Hồ	9.000	200	8.358	5.000	3.358	-	-	
4	Đầu tư xây dựng Trường THCS Hương Mai, xã Hương Mai	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư xây dựng mới: dãy nhà 18 phòng (bổ sung, thay thế 10 phòng học đã hết thời gian sử dụng, được xây dựng từ năm 1994; 08 phòng chức năng: 01 Khoa học tự nhiên, 01 khoa học xã hội, 01Tin học; 01 Ngoại ngữ; 01 Công nghệ; 01 Âm nhạc; 01 mỹ thuật, 01 nhà đa chức năng); xây mới 01 cổng trường, 200m tường rào liền với cổng chính và mặt đường chính.	15.000	200	14.186	5.000	9.186	-	-	
5	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trung Sơn, xã Trung Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Hiện tại là dãy nhà cấp 4; đầu tư xây dựng 12 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	8.300	150	7.813	3.500	4.313	-	-	
6	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Nénh, thị trấn Nénh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Mở rộng trường, đầu tư xây dựng phòng học và một số hạng mục khác	15.000	100	14.322	7.000	7.322	-	-	
7	Cải tạo sửa chữa Trường tiểu học Vân Trung, xã Vân Trung	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Cải tạo sửa chữa hệ thống cửa, trát nền, sơn, lát nền 16 lớp học, nhà hiệu bộ; lát sân	4.000	100	3.722	2.000	1.722	-	-	
8	Đầu tư xây dựng Trường mầm non Ninh Sơn, xã Ninh Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Cải tạo sửa chữa hệ thống cửa, trát nền, sơn, lát nền 16 lớp học, nhà hiệu bộ; lát sân	13.000	100	12.377	4.000	8.377	-	-	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Lý do, quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư/	Lũy kế bổ trí vốn đến	Ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025					
						Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
h	Công trình di tích, lịch sử, văn hóa			69.900	670	66.826	23.000	28.595	15.231	-	-
1	Tu bổ, tôn tạo Chùa Bồ Đà; hạng mục: Công, tường rào.	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Tu bổ, tôn tạo hạng mục công, tường rào	10.000	270	9.398	5.000	4.398	-	-	-
2	Tôn tạo, tu bổ quần thể di tích Đình Thượng Lát (giai đoạn 1)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đền hiện trạng đã xuống cấp nghiêm trọng, cần đầu tư xây dựng một số hạng mục: Đền chính và một số hạng mục phụ trợ. Hiện tại là di tích cấp tỉnh, trong phương án phát triển của tỉnh đã được quy	15.000	200	14.197	5.000	9.197	-	-	-
3	Tu bổ, tôn tạo chùa Vân Cốc, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đầu tư xây dựng các hạng mục theo tổng mặt bằng thỏa thuận với cơ quan chức năng	44.900	200	43.231	13.000	15.000	15.231	-	-
i	Công trình an ninh, Quốc phòng			38.000	200	36.744	12.000	10.000	14.744	-	-
1	Xây dựng sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu huyện Việt Yên và Trại địa phòng không 12,7mm	Ban chỉ huy quân sự huyện	Phục vụ diễn tập quân sự theo kế hoạch của tỉnh vào năm 2023	38.000	200	36.744	12.000	10.000	14.744	-	-
k	GPMB, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng			930.100	2.879	905.525	300.708	250.208	354.609	-	-
1	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô khoảng 9,8ha; đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	120.000	200	117.405	30.000	27.600	59.805	-	-
2	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nối dài, thị trấn Bích Động	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô khoảng 10ha đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	108.000	200	105.595	40.000	30.000	35.595	-	-
3	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nối dài (Khu 1), thị trấn Bích Động	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô khoảng 4,2ha đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh.	50.400	200	49.066	20.000	10.000	19.066	-	-
4	Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô khoảng 3,6ha; đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh	43.200	200	41.910	15.000	5.000	21.910	-	-
5	Khu dân cư thôn 6, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô khoảng 5ha; đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	59.000	200	57.424	25.000	32.424	-	-	-
6	Khu dân cư công viên Hồ Dục Quang, thị trấn Bích Động	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 9,9ha; đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	120.000	200	116.488	35.000	30.000	51.488	-	-
7	Khu dân cư đường vành đai 4, thôn Phúc Ninh, xã Ninh Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô khoảng 3ha, đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	32.000	-	32.000	10.000	17.000	5.000	-	-
8	Khu dân cư Khả lý thượng xã Quảng Minh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô khoảng 0,6ha, đầu tư giao thông, thoát nước	1.500	-	1.500	1.425	75	-	-	-
9	Khu dân cư Ninh Khánh (Vùng 1), thị trấn Nénh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 3ha; đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	36.000	200	34.863	13.000	5.000	16.863	-	-
10	Khu dân cư thôn Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 5ha; (trong đó tái định cư khoảng 2ha; đầu tư hạ tầng đầu giá khoảng 3ha) đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	59.000	444	57.230	20.000	10.000	27.230	-	-

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Lý do, quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư/	Lũy kế bố trí vốn đến	Ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025					
						Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
11	Khu dân cư thôn Sơn Hải, xã Trung Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 2ha; (trong đó tái định cư khoảng 0,2ha; đầu tư hạ tầng đầu giá khoảng 1,8ha) đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	24.000	150	23.184	8.000	15.184	-	-	
12	Khu dân cư thôn thượng Phúc, xã Tăng Tiến (giai đoạn 3)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 3ha; đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	36.000	150	34.913	10.000	5.000	19.913	-	
13	Khu dân cư thôn Đông Tiến, xã Quang Châu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 3.7ha; đầu tư đồng bộ hết thống san nền, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện	44.000	150	42.709	10.000	10.000	22.709	-	
14	Khu dân cư thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 2,7ha; đầu tư san nền, đường giao thông	7.000	50	6.425	3.500	2.925	-	-	
15	Khu dân cư mới dọc tuyến đường Yên Ninh, thị trấn Nễnh (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 6ha; đầu tư đồng bộ thống san nền, giao thông, thoát nước, cây xanh, điện	59.000	185	57.489	18.000	10.000	29.489	-	
16	Khu dân cư thôn Như Thiết, xã Hồng Thái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 5ha; đầu tư đồng bộ thống san nền, giao thông, thoát nước, cây xanh.	59.000	150	57.524	18.000	20.000	19.524	-	-
17	Khu dân cư thôn Trúc Tay, Trung Đồng, xã Vân Trung	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quy mô 6ha; đầu tư đồng bộ thống san nền, giao thông, thoát nước, cây xanh.	72.000	200	69.801	23.783	20.000	26.017	-	-